

BIẾN ĐỔI PARADIGM CỦA CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1981 - 2005 TRONG HỆ THỐNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

NGUYỄN CHÍ THẮNG

Kuhn (1922 - 1996) là nhà khoa học luận thời thượng nhất hiện nay, tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là “Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học” (The structure of scientific revolutions), trong đó khái niệm then chốt là khái niệm *paradigma* và *chuyển dịch paradigma*. *Paradigma* là một hệ thống các ý tưởng (không hẳn là được phát biểu rõ như các khái niệm) trong một nền khoa học nhất định, được sự đồng thuận của các nhà nghiên cứu. Đến một lúc nào đó *paradigma* cũ không ổn nữa cho việc nghiên cứu thì xuất hiện một *chuyển dịch paradigma* đến một *paradigma* mới, một sự đồng thuận mới của các nhà khoa học. Tuy rằng một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự đồng thuận dĩ nhiên là tính hiệu quả của lý thuyết mới, theo Kuhn thì sự *chuyển dịch paradigma* có tính tổng thể, vì các khái niệm định nghĩa lẫn nhau cho nên mặc dù ngôn từ có thể được giữ, nhưng ý nghĩa đã khác, do đó giữa hai hệ thống lý thuyết là “bất khả liên thông”.

Chính sách khoa học và công nghệ (KH&CN) Việt Nam từ trước đến nay là 1 hệ thống, hệ thống này có khuôn mẫu và các ý tưởng hay còn gọi là Paradigm. Quá trình biến đổi chính sách KH&CN là quá trình biến đổi Paradigm của hệ thống quản lý, quá trình này diễn ra qua 3 giai đoạn: Phá vỡ cấu trúc, tái cấu

trúc và tiếp biến văn hoá.

Paradigm của hệ thống chính sách KH&CN bao gồm các bộ phận cấu thành: Triết lý; Hệ quan điểm; Hệ chuẩn mực; Hệ khái niệm.

Như vậy, quá trình biến đổi Paradigm của chính sách KH&CN là quá trình biến đổi triết lý, quan điểm, chuẩn mực và các khái niệm của từng giai đoạn; từng thời kỳ của thời gian, cụ thể được thể hiện qua các văn bản khoa học và công nghệ từ năm 1981 đến năm 2005 như sau:

Văn bản số 175/CP⁽¹⁾ ngày 29/4/1981 của Hội đồng Bộ trưởng với triết lý “Phi tập trung hoá hoạt động KH&CN” nhằm phát huy khả năng lao động sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật, góp phần hoàn thành kế hoạch khoa học kỹ thuật của Nhà nước và của các cấp, các ngành đã cho phép áp dụng chế độ ký kết hợp đồng kinh tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển kỹ thuật; cơ sở của việc ký kết hợp đồng trong nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật là các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hoặc đơn đặt hàng.

Đây là một quyết định hết sức quan trọng, mở đầu giai đoạn tháo gỡ các cơ chế ràng buộc các tổ chức khoa học trong khuôn khổ hành

chính Nhà nước trong thời kỳ đó. Như vậy, với chính sách KH&CN này đã phá bỏ hệ thống chính sách cũ, mà vi phạm nó sẽ dẫn tới vi phạm pháp luật. Việc ký kết hợp đồng trong nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật đã được thể chế hoá trong hệ thống kinh tế tập trung.

Tiếp theo Quyết định 175/CP, ngày 27/6/1981 Chính phủ ban hành Nghị định 263/CP⁽²⁾ về chế độ kế hoạch hoá khoa học và kỹ thuật để thực hiện một bước chuyển biến cơ bản trong công tác quản lý khoa học và kỹ thuật, đưa công tác này vào nề nếp, phù hợp với tinh thần cải tiến kế hoạch kinh tế quốc dân lúc bấy giờ. Kế hoạch khoa học và kỹ thuật là công cụ chủ yếu để Nhà nước quản lý hoạt động khoa học kỹ thuật ở mọi cấp. Kế hoạch khoa học - kỹ thuật là một bộ phận hợp thành của kế hoạch kinh tế quốc dân, nhiệm vụ của kế hoạch khoa học kỹ thuật là nêu lên những phương hướng, nội dung và mục tiêu phát triển khoa học kỹ thuật của những biện pháp cụ thể bảo đảm thực hiện những phương hướng, nội dung và mục tiêu nhằm tập trung lực lượng và phương tiện để giải quyết dứt điểm những vấn đề khoa học kỹ thuật quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân.

Mặc dù với triết lý phi tập trung hóa hoạt động KH&CN, nhưng với điều kiện lịch sử và tư tưởng lúc bấy giờ, các chính sách quản lý về KH&CN vẫn chưa thoát ra khỏi triết lý Nhà nước độc quyền về quản lý KH&CN, tức là tư tưởng Nhà nước độc tôn chỉ huy vẫn còn tồn tại. Nhưng qua hai mươi năm, ta thấy được bước đột phá quan trọng của 2 văn bản trên đã mở ra trang mới cho các cải cách thiết chế quản lý về KH&CN, giải toả các cơ chế trói buộc các tổ chức KH&CN, các nhà nghiên cứu khoa học nhằm đưa KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Để kết thúc việc ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất đời sống, văn bản số 134/HĐBT⁽³⁾ ngày 31/8/1987 của Hội đồng Bộ trưởng đã quy định

một số biện pháp khuyến khích công tác khoa học kỹ thuật. Trong đó cho phép các cơ quan nghiên cứu triển khai, các cơ sở đào tạo, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế được quyền chủ động thiết lập và mở rộng mọi hình thức liên doanh, liên kết để ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học, các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống; cho phép cán bộ công nhân, viên chức đương chức hoặc nghỉ hưu, xã viên các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và tư nhân được ký kết hợp đồng kinh tế hoặc hợp đồng dân sự với các cơ sở nghiên cứu đào tạo, sản xuất kinh doanh để phổ biến và áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống dưới danh nghĩa Hiệp hội khoa học kỹ thuật, tập thể tự nguyện hoặc cá nhân.

Qua văn bản này ta thấy việc ký kết các hợp đồng kinh tế nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật đã được mở một thiết chế để các nhà khoa học tự nguyện liên kết với nhau trong việc ký kết hợp đồng vượt ra khuôn khổ biên chế hành chính của các viện, điều mà từ trước các văn bản về chính sách KH&CN chưa có.

Các chính sách KH&CN đã mở ra việc ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật ở trong nước, chưa có chính sách mở cửa để chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trên thế giới. Vì vậy nhằm không ngừng nâng cao năng lực công nghệ của đất nước, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với chính sách mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật nước ngoài, Pháp lệnh chuyển giao công nghệ năm 1988⁽⁴⁾ đã ra đời khuyến khích các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài chuyển giao công nghệ vào Việt Nam trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi.

Pháp lệnh chuyển giao công nghệ này đã cho thấy bước tiến bộ trong chính sách KH&CN trong thời kỳ đổi mới kinh tế, là nền móng cho việc phát triển nền kinh tế Việt Nam, tạo tiền đề cho việc gia nhập nền kinh tế thế giới sau này.

Đa dạng hoá thành phần tham gia hoạt động KH&CN là triết lý của Nghị định 35-HĐBT⁽⁵⁾ của Hội đồng Bộ trưởng ngày 28/1/1992, tiếp tục đổi mới quản lý KH&CN, thúc đẩy phát triển các hoạt động sáng tạo, khuyến khích việc ứng dụng các thành tựu KH&CN mới vào sản xuất đời sống nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động KH&CN với nội dung: Tất cả các cơ quan Nhà nước, các đơn vị vũ trang, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân đều được quyền tổ chức và thực hiện các hoạt động KH&CN, áp dụng các thành tựu KH&CN mới vào sản xuất đời sống, được quyền bình đẳng trong việc dự tuyển để chủ trì hoặc tham gia thực hiện các chương trình, đề tài, dự án về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Nhà nước được các cơ quan có thẩm quyền định kỳ công bố.

Việc công nhận mọi cá nhân và tổ chức xã hội có quyền tiến hành các hoạt động KH&CN, chúng tôi KH&CN ngày càng dân chủ hơn, thực tế ngày nay cho thấy có rất nhiều tổ chức KH&CN được thành lập trên tinh thần Nghị định 35.

Để phát triển hơn nữa về KH&CN, đặc biệt trong việc phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ khoa học công lập, nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập, thoát khỏi các nhược điểm mô hình quản lý nhà nước độc quyền về KH&CN, Nghị định 115/2005/NĐ-CP⁽⁶⁾ ngày 29/9/2005 đã quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tài chính và tài sản, tổ chức và biên chế của các tổ chức KH&CN công lập với mục đích: Tăng cường trách nhiệm và nâng cao tính tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo của tổ chức KH&CN và Thủ trưởng tổ chức KH&CN; Tạo điều kiện gắn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh và đào tạo nhân lực, đẩy nhanh quá trình xã hội hóa các hoạt động khoa học và công nghệ; Tạo điều kiện tập trung đầu tư

có trọng điểm cho các tổ chức khoa học và công nghệ; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN, góp phần tăng cường tiềm lực KH&CN của đất nước.

Như vậy trải qua hơn 20 năm ta thấy hệ thống chính sách KH&CN đã có rất nhiều biến đổi, từ mô hình Nhà nước quản lý độc quyền về KH&CN dần dần chuyển sang mô hình Nhà nước quản lý vĩ mô, giao quyền tự trị cho các tổ chức khoa học, thể hiện bước tiến bộ của các chính sách KH&CN trong giai đoạn kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, tạo điều kiện cho mọi cá nhân và tổ chức phát huy về KH&CN, đưa KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Qua phân tích hệ thống chính sách KH&CN từ năm 1981 đến năm 2005 trong hệ thống KH&CN Việt Nam trên ta thấy, quá trình biến đổi của hệ thống chính sách KH&CN luôn biến đổi. Hệ thống chính sách KH&CN biến đổi bất thuận nghịch, nghĩa là phát triển theo một chiều xuôi dòng thời gian, không trở lại trạng thái xuất phát, là sự biến đổi của hệ thống chính sách KH&CN này sang trạng thái hệ thống chính sách khác mà bản chất của sự biến đổi này là quá trình biến đổi paradigm của hệ thống chính sách KH&CN đó, tức là biến đổi triết lý, quan điểm, chuẩn mực và các khái niệm.

N.C.T

(1) Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 175/CP ngày 29/4/1981 về việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế trong nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật.

(2) Nghị định số 263-CP ngày 27/6/1981 về chế độ kế hoạch hóa khoa học và kỹ thuật.

(3) Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 134/HĐBT ngày 31/8/1987 về một số biện pháp khuyến khích công tác khoa học và kỹ thuật.

(4) Pháp lệnh Chuyển giao công nghệ năm 1988.

(5) Nghị định 35-HĐBT ngày 28/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác quản lý khoa học và công nghệ.

(6) Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 29/9/2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

BIẾN ĐỔI PARADIGM CỦA HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỪ NĂM 1981 - 2005 TRONG HỆ THỐNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM



	175/CP	263/CP	134/HĐBT	Pháp lệnh 1988	35-HĐBT	115/2005/ND-CP
Triết lý	Phi tập trung hoá hoạt động khoa học và công nghệ.	Hành chính hoá hoạt động khoa học và công nghệ. Thương mại hoá sản phẩm.	Hành chính hoá hoạt động khoa học và công nghệ.	Nhà nước hoá hoạt động khoa học và công nghệ.	Dân sự hoá hoạt động khoa học và công nghệ.	Tự trị hoá hệ thống khoa học và công nghệ.
Quan điểm	<p>Thực hiện bước chuyển biến cơ bản trong công tác quản lý khoa học và kỹ thuật, đưa công tác này vào nề nếp, phù hợp với tinh thần cải tiến kế hoạch kinh tế quốc dân lúc bấy giờ.</p> <p>Phát huy khả năng lao động sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật.</p>	<p>Thực hiện bước chuyển biến cơ bản trong công tác quản lý khoa học và kỹ thuật, đưa công tác này vào nề nếp, phù hợp với tinh thần cải tiến kế hoạch kinh tế quốc dân lúc bấy giờ.</p>	<p>Ứng dụng nhanh chóng, rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất đời sống.</p>	<p>Nâng cao năng lực công nghệ, mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật nước ngoài.</p>	<p>Đổi mới quản lý khoa học và công nghệ.</p>	<p>Nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.</p>
Chuẩn mực	<p>Kế hoạch khoa học và kỹ thuật là công cụ chủ yếu để Nhà nước quản lý hoạt động khoa học kỹ thuật ở mọi cấp, kế hoạch khoa học kỹ thuật là một bộ phận hợp thành của kế hoạch kinh tế quốc dân, nhiệm vụ của kế hoạch khoa học và kỹ thuật là nêu lên những phương hướng, nội dung và mục tiêu phát triển khoa học kỹ thuật; những biện pháp cụ thể bảo đảm thực hiện những phương hướng, nội dung và mục tiêu ấy; tập trung lực lượng và phương tiện để giải quyết dứt điểm những vấn đề khoa học và kỹ thuật quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân.</p> <p>Cho phép áp dụng chế độ ký kết hợp đồng kinh tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển kỹ thuật, cơ sở của việc ký kết hợp đồng trong nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật là các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hoặc đơn đặt hàng.</p>	<p>Kế hoạch khoa học và kỹ thuật là công cụ chủ yếu để Nhà nước quản lý hoạt động khoa học kỹ thuật ở mọi cấp, kế hoạch khoa học kỹ thuật là một bộ phận hợp thành của kế hoạch kinh tế quốc dân, nhiệm vụ của kế hoạch khoa học và kỹ thuật là nêu lên những phương hướng, nội dung và mục tiêu phát triển khoa học kỹ thuật; những biện pháp cụ thể bảo đảm thực hiện những phương hướng, nội dung và mục tiêu ấy; tập trung lực lượng và phương tiện để giải quyết dứt điểm những vấn đề khoa học và kỹ thuật quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân.</p>	<p>Cho phép các cơ quan nghiên cứu triển khai, các cơ sở đào tạo, các cơ sở sản xuất và kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế được quyền chủ động thiết lập và mở rộng mọi hình thức liên doanh, liên kết để ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống;</p> <p>Cho phép cán bộ Công nhân, viên chức đương chức hoặc nghỉ hưu, xã viên các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và tư nhân được ký kết hợp đồng kinh tế hoặc hợp đồng dân sự với các cơ sở nghiên cứu đào tạo, sản xuất kinh doanh để phổ biến và áp dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống dưới danh nghĩa Hiệp hội khoa học kỹ thuật, tập thể tự nguyện hoặc cá nhân.</p>	<p>Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài chuyển giao công nghệ vào Việt Nam trên nguyên tắc bình đẳng và các bên cùng có lợi.</p>	<p>Tất cả các cơ quan Nhà nước, các đơn vị vũ trang, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân đều được quyền tổ chức và thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới vào sản xuất đời sống.</p>	<p>Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tài chính và tài sản, tổ chức và biên chế của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.</p>